

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/DS-PT
Ngày 17- 12 - 2025
V/v chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Phùng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2025/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 73/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường H, tỉnh Cà Mau.

CCCD: 095173009492

***Bị đơn:** Ông Trần Minh H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau.

CCCD: 096066006921.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Minh H: Ông Trần Dũng S, Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Anh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Tấn Phát, chức vụ: Phó Giám đốc

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thới Bình (có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ liên hệ: Khóm 1, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Minh Tuấn, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình – Phòng giao dịch Trí Phú (có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ liên hệ: Ấp 1, xã T, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Đặng Hồng P, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, xã T, tỉnh Cà Mau.

CCCD: 096158000106

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Trần Mỹ H trình bày:*

Bà và ông H đã ly hôn theo Bản án số 136/2024/HNGĐ-ST ngày 02/12/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu. Sau khi ly hôn, bà và ông H có tranh chấp về tài sản chung nên bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản, cụ thể:

Bà H yêu cầu chia đôi phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 9.093,6m² tọa lạc tại ấp 8, xã Trí Lực, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (nay là ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau) thuộc thửa 158, tờ bản đồ số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1995 tên Trần Minh H, bà yêu cầu được nhận ½ diện tích đất.

Đối với phần đất tại thửa 24, 25, tờ bản đồ số 06, tổng diện tích 10.550m² tọa lạc tại ấp 8, xã Trí Lực, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (nay là ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1995 tên Trần Minh H, trên đất có căn nhà của vợ chồng, thì bà H đồng ý cho ông H tiếp tục sử dụng, bà yêu cầu ông H chia cho bà số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với 03 khoản nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình – Phòng giao dịch Trí Phú; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thới Bình và bà Đặng Hồng P thì bà H yêu cầu chia đôi, bà và ông H mỗi người thanh toán ½ nợ.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Trần Minh H trình bày:*

Ông H không đồng ý chia đất và trả thành quả lao động cho bà H vì đất này có nguồn gốc của gia đình ông cho riêng ông. Quá trình bà H chung sống với ông cùng sử dụng đất và đã cùng hưởng thụ thành quả lao động. Bà H gây nhiều nợ nần ông đã trả cho bà H khoảng 20.000.000 đồng và phải cầm cố đất để trả nợ, sau đó vợ chồng cùng làm để chuộc lại đất. Đến khi bà H đi thì đã hốt hụi, lấy tiền, vàng và chiếc xe máy, trị giá tổng cộng khoảng 67.000.000 đồng. Hiện tại, phần đất ông đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thới Bình.

Về nợ: Ông đồng ý trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thới Bình, bà H trả toàn bộ nợ cho Ngân

hàng Chính sách xã hội. Đối với nợ bà P thì ông đồng ý trả $\frac{1}{2}$, bà H trả $\frac{1}{2}$.

** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 08/5/2025 và tại phiên toà, bà Đặng Hồng P trình bày:*

Bà P xác định vào ngày 15/5/2002 âm lịch bà có cho bà H, ông H vay 1.500.000 đồng, ngày 16/9/2002 âm lịch cho vay thêm 1.000.000 đồng, ngày 08/4/2003 âm lịch cho vay thêm 4.000.000 đồng, tổng cộng là 6.500.000 đồng. Bà không có tiền nên phải đi hỏi vàng của người khác cho bà H, ông H vay và phải đóng lãi rất nhiều. Bà đưa cho ông H, bà H là đưa tiền, không phải đưa vàng. Từ khi cho ông H, bà H vay đến nay, bà nhiều lần đòi nhưng ông H, bà H không thanh toán.

Hiện tại, bà đã trả hết nợ cho người bà vay vàng. Do đó, bà yêu cầu bà H, ông H phải thanh toán cho bà số nợ trên, mỗi người thanh toán $\frac{1}{2}$. Cụ thể, giá vàng tại thời điểm cho vay là 500.000 đồng/chỉ, số tiền 6.500.000 đồng tương đương 13 chỉ vàng 24K, bà H, ông H mỗi người trả cho bà 6,5 chỉ vàng 24K. Trường hợp Toà án không chấp nhận trả vàng thì bà yêu cầu ông H, bà H mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền vốn là 6.500.000 đồng và tiền lãi trên số tiền vốn đã đưa theo mức lãi suất 5%/tháng từ khi cho vay cho đến khi xét xử xong.

** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16/4/2025, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:*

Ngày 20/11/2024, ông H có vay Ngân hàng số tiền 158.000.000 đồng. Tính đến ngày 16/4/2025, ông H còn nợ Ngân hàng 104.000.000 đồng tiền vốn và 1.424.658 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 105.424.658 đồng. Có thể chấp quyền sử dụng đất số D 0750088 tên Trần Minh H. Tại hợp đồng thế chấp có bà H và ông H cùng ký tên. Ngân hàng yêu cầu ông H, bà H thanh toán nợ. Trường hợp không thanh toán thì yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16/4/2025, Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:*

Ngày 04/5/2020 ông H, bà H có vay Ngân hàng số tiền 32.000.000 đồng. Tính đến ngày 12/9/2025, ông H, bà H còn nợ Ngân hàng 52.654.158 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông H, bà H thanh toán nợ.

Tại Bản án sơ thẩm số: 73/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Đã Quyết định:

Áp dụng các điều 14, 16, 27, 29, 33, 37, 59, 60, 62 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Trần Minh H.

Chia đôi phần đất tại thửa 158, tờ bản đồ số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0750088 cấp ngày 06/12/1995 tên Trần Minh H, đất tọa lạc tại ấp

8, xã T, tỉnh Cà Mau, theo đo đạc thực tế có diện tích 9.093,6m² cho ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H, mỗi người sử dụng ½ tương ứng 4.546,8m² đất. Do ông H đang sử dụng đất nên ông H phải có nghĩa vụ giao cho bà H 4.546,8m² đất, có tứ cận: Mặt tiền giáp đường đất do Nhà nước quản lý mốc M1-M2' dài 21,41m (18,45m+2,96m), mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn Thương mốc M6-M5' dài 19,88m, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất ông Lê Văn Viên mốc M1-M6 dài 221,38m (185,35m+36,03m), cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông H được chia mốc M2'-M5' dài 226,03m. Bà H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H được quyền sử dụng phần đất còn lại có diện tích 4.546,8m², có tứ cận: Mặt tiền giáp đường đất do Nhà nước quản lý mốc M3-M2' dài 21,06m, mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn Thương, đất ông Lê Văn Sơn mốc M4-M5' dài 19,56m (11,1m+8,46m), cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà H được chia mốc M2'-M5' dài 226,03m, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp đất ông Nguyễn Văn Toàn mốc M3-M4 dài 229,52m, trên đất có 01 căn chòi vuông của ông H.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Trần Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Mỹ H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Trường hợp bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông H chậm thanh toán khoản tiền trên thì ông H còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông H được tiếp tục sử dụng phần nhà, đất tại thửa 24, 25, tờ bản đồ số 06, diện tích 10.550m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0750088 cấp ngày 06/12/1995 tên Trần Minh H, tọa lạc tại ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H thanh toán nợ.

Buộc ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H mỗi người thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 52.712.329 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng, tính đến hết ngày 16/4/2025) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp không thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tương ứng với phần nghĩa vụ của mỗi người.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc yêu cầu ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H thanh toán nợ.

Buộc ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H mỗi người thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 26.327.079 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi chín đồng, tính đến hết ngày 12/9/2025) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất tại Giấy đề nghị vay vốn đã ký kết.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Hồng P về việc yêu cầu ông Trần

Minh H, bà Trần Mỹ H thanh toán nợ.

Buộc ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H mỗi người thanh toán cho bà Đặng Hồng P số tiền 17.965.250 đồng (Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bà P có đơn yêu cầu thi hành án, ông H, bà H chậm thanh toán khoản tiền trên thì ông H, bà H còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/9/2025 ông Trần Minh H kháng cáo với nội dung không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ đất diện tích 4.546,8m², lý do đất này là tài sản riêng của ông, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 - C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Minh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, lý do trong đơn kháng cáo ông H chỉ nêu không đồng ý bản án sơ thẩm chia tài sản phần đất thửa 158 vì tài sản này do cha mẹ cho riêng ông H, tuy nhiên ông có nêu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do không hiểu biết nên chỉ nêu một nội dung, còn nội dung khác như phần công sức bà H yêu cầu trả 100.000.000 đồng, cho rằng đất là tài sản riêng của ông được cha mẹ cho, khi đi khỏi nhà bà Trần Mỹ H đã lấy tài sản 60.000.000 đồng nên ông không đồng ý chia đất cũng như không đồng ý trả công sức, không đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội. Khi kháng cáo xong ông mới làm đơn trình bày hết nội dung có liên quan. Đối với phần nợ của bà Đặng Hồng P thì ông rút lại kháng cáo, đồng ý thanh toán cho bà P.

[2] Xét mặc dù đơn kháng cáo ông Trần Minh H chỉ nêu một nội dung liên quan đến phần đất thửa 158 và yêu cầu Tòa án xem xét nội dung này. Về nguyên tắc xét xử phúc thẩm chỉ xem xét nội dung kháng cáo, tuy nhiên do ông Trần Minh H cho rằng thiếu hiểu biết và để kịp thời gian kháng cáo nên ông làm đơn kháng cáo ngắn gọn. Để giải quyết toàn diện vụ án, Hội đồng xét xử xem xét các nội dung kháng cáo theo yêu cầu của ông Trần Minh H.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Minh H Hội đồng xét xử thấy

rằng: Giữa ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H chung sống với nhau từ năm 1992 đến năm 2024 ông bà xin ly hôn, tính đến thời điểm xin ly hôn là 32 năm. Tại phiên toà sơ thẩm ông H cũng thống nhất cả ông và bà H cùng canh tác thửa đất 158 để phục vụ cuộc sống chung vợ chồng, xây dựng gia đình, quá trình sử dụng vợ chồng ông H có thể chấp quyền sử dụng đất và hồ sơ thể chấp thể hiện người đồng sở hữu là bà H , ông H cho rằng đó là do Ngân hàng yêu cầu ghi tên bà H , việc thế chấp này có từ năm 1995. Như vậy, ông H mặc nhiên thừa nhận thửa đất 158 là tài sản chung của vợ chồng, không phản đối vì thời điểm thế chấp thì giữa ông H và bà H sống chung chưa đăng ký kết hôn và cũng không mâu thuẫn về mặt tình cảm. Do đó, đến năm 2024 Toà án không công nhận ông H và bà H là vợ chồng thì ông H lại cho rằng đây là tài sản riêng của ông là không phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế đã diễn ra từ năm 1992 đến năm 2024.

[4] Đối với kháng cáo của ông H về việc không đồng ý thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cho bà H và yêu cầu chia số tiền 60.000.000 đồng giá trị chiếc xe và 02 chân hụi bà H đã hốt vì bà H gây nợ, ông đã thanh toán nhiều lần. Tại phiên Toà phúc thẩm ông H thừa nhận 03 chân hụi ông tự tham gia nhưng bà H hốt, chủ hụi có trừ nợ, ngoài ra quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông H cũng không yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe và tiền hụi là 60.000.000 đồng, chỉ đề cập là không đồng ý chia công sức cho bà H do bà H lấy tài sản xe và tiền hụi (BL 67, 73) nên cấp sơ thẩm không giải quyết phần tài sản chung này, nay ông H kháng cáo. Như nhận định trên không có cơ sở xem xét phần kháng cáo về số tiền 60.000.000 đồng này. Đối với số tiền 100.000.000 đồng tiền công sức đóng góp trong phần đất thửa 24,25. Bà H thừa nhận đây là tài sản do cha mẹ ông H cho, bà H có thời gian dài chung sống với ông H, có công trong việc giữ gìn bồi đắp phần đất cũng như công sức sửa chữa nhà nên cấp sơ thẩm buộc ông H thanh toán 100.000.000 đồng cho bà H là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo đối với nợ Ngân hàng chính sách số tiền 52.654.158 đồng: Tại phiên toà sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm ông Trần Minh H khẳng định không ký hợp đồng vay nhưng ông thừa nhận bà H vay tiền về để sử dụng làm nhà vệ sinh và chăn nuôi. Mặc dù, ông H không ký tên trong hợp đồng vay nhưng việc vay tiền ông H biết và số tiền sử dụng chung trong gia đình nên cấp sơ thẩm buộc ông H và bà H thanh toán nợ cho Ngân hàng chính sách là có căn cứ.

[6] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo nợ của bà Đặng Hồng P số tiền 17.965.250 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh H, đình chỉ xét xử đối với kháng cáo liên quan đến bà Đặng Hồng P. Như phân tích trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Cấp sơ thẩm có sai sót trong phần tính án phí sơ thẩm chưa đối trừ phần nghĩa vụ phải thanh toán nên cấp phúc thẩm điều

chỉnh sửa lại cho phù hợp. Theo điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án quy định “...*Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia, sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba*”. Cụ thể:

Bà Trần Mỹ H phải chịu án phí với giá trị tài sản được nhận 441.010.000 sau khi đối trừ nghĩa vụ thanh toán nợ là 97.004.658 đồng. Buộc bà H phải nộp là 17.200.000 đồng.

Ông Trần Minh H có đơn xin miễn án phí sơ thẩm do ông H là con Liệt Sĩ, có cung cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và xác nhận của chính quyền địa phương, ông H là con Liệt sĩ. Căn cứ điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án quy định miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Minh H về khoản nợ với số tiền 17.965.250 đồng của bà Đặng Hồng P.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Minh H. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 73/2025/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – C về phần án phí.

2. Áp dụng các điều 14, 16, 27, 29, 33, 37, 59, 60, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Chia đôi phần đất tại thửa 158, tờ bản đồ số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0750088 cấp ngày 06/12/1995 tên Trần Minh H, đất tọa lạc tại ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau, theo đo đạc thực tế có diện tích 9.093,6m² cho ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H, mỗi người sử dụng ½ tương ứng 4.546,8m² đất. Do ông H đang sử dụng đất nên ông H phải có nghĩa vụ giao cho bà H 4.546,8m² đất, có tứ cận: Mặt tiền giáp đường đất do Nhà nước quản lý mốc M1-M2' dài 21,41m (18,45m+2,96m), mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn Thương mốc M6-M5' dài 19,88m, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất ông Lê Văn Viên mốc M1-M6 dài 221,38m (185,35m+36,03m), cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông H được chia mốc M2'-M5' dài 226,03m. Bà H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H được quyền sử dụng phần đất còn lại có diện tích 4.546,8m², có tứ cận: Mặt tiền giáp đường đất do Nhà nước quản lý mốc M3-M2' dài 21,06m, mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn Thương, đất ông Lê Văn Sơn mốc M4-M5' dài 19,56m (11,1m+8,46m), cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà H được chia mốc M2'-M5' dài 226,03m, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp đất ông Nguyễn Văn

Toàn mốc M3-M4 dài 229,52m, trên đất có 01 căn chòi vuông của ông H.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Buộc ông Trần Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Mỹ H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Trường hợp bà Trần Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trần Minh H chậm thanh toán khoản tiền trên thì ông H còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Giao cho ông Trần Minh H phần nhà, đất tại thửa 24, 25, tờ bản đồ số 06, diện tích 10.550m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0750088 cấp ngày 06/12/1995 tên Trần Minh H, tọa lạc tại ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc yêu cầu ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H thanh toán nợ.

Buộc ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H mỗi người thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 26.327.079 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi chín đồng, tính đến hết ngày 12/9/2025) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất tại Giấy đề nghị vay vốn đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2025), ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H, bà H vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Hồng P về việc yêu cầu ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H thanh toán nợ.

Buộc ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H mỗi người thanh toán cho bà Đặng Hồng P số tiền 17.965.250 đồng (Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bà Đặng Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trần Minh H, bà Trần Mỹ H chậm thanh toán khoản tiền trên thì ông H, bà H còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Trần Mỹ H phải nộp là 17.200.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 26/3/2025, bà H có nộp tạm ứng án phí số tiền 5.950.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022254 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – C) phát hành, được đối trừ, bà H còn phải nộp tiếp 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai

trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Trần Minh H được miễn.

6.2. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Minh H được miễn. Đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000492 ngày 26/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại.

7. Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 2 – C;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 2 – C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Châu Minh Nguyệt

Phùng Văn Định

Hoàng Thị Hải Hà